

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ HOÀNG GIA**

*(Thành lập tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam)*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUY ĐỔI**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015  
đến ngày 30 tháng 6 năm 2015



## MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUY ĐỊNH	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7 - 8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUY ĐỊNH	9 - 35

## CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

Phường Bãi Cháy, TP. Hạ Long

Tỉnh Quảng Ninh, CHXHCN Việt Nam

### BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Quốc tế Hoàng Gia (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính quy đổi của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015.

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

##### Hội đồng Quản trị

Ông Đỗ Trí Vỹ	Chủ tịch
Ông Phạm Ngọc Nam	Ủy viên
Bà Nguyễn Linh Chi	Ủy viên
Ông Nguyễn Khởi Phát	Ủy viên
Bà Nguyễn Tiểu Mai	Ủy viên
Bà Đào Ngọc Hoa	Ủy viên
Bà Ngô Nguyệt Hoa	Ủy viên

##### Ban Giám đốc

Ông Đỗ Trí Vỹ	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Ngọc Nam	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Linh Chi	Kế toán trưởng

#### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính quy đổi phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính quy đổi này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính quy đổi hay không;
- Lập báo cáo tài chính quy đổi trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính quy đổi hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính quy đổi tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

  
  
Đỗ Trí Vỹ  
Tổng Giám đốc

Ngày 12 tháng 8 năm 2015

Số: 0073 /VNIA-HN-BC

## BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUY ĐỔI

**Kính gửi:** Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Quốc tế Hoàng Gia

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bằng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 và thuyết minh báo cáo tài chính quy đổi kèm theo được quy đổi từ báo cáo tài chính được lập bằng Đô la Mỹ sang đồng Việt Nam (gọi chung là “báo cáo tài chính quy đổi”) của Công ty Cổ phần Quốc tế Hoàng Gia (gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 12 tháng 8 năm 2015, từ trang 4 đến trang 35. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính quy đổi này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính quy đổi này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính quy đổi theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính quy đổi không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính quy đổi kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 phù hợp với các quy định về chuyển đổi báo cáo tài chính lập bằng ngoại tệ sang Đồng Việt Nam của Thông tư 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014.

### Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 8, 10, 11, 12, 13, và 15 phần Thuyết minh báo cáo tài chính quy đổi. Công ty đã ghi giảm toàn bộ giá trị còn lại tài sản khu Công viên Hoàng Gia bàn giao cho UBND tỉnh Quảng Ninh theo Thông báo số 52/TB-UBND ngày 19 tháng 3 năm 2015 của UBND tỉnh Quảng Ninh thống nhất nguyên tắc và phương pháp tính giá trị đền bù. Đến ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty đã nhận được số tiền đền bù đợt 1 trị giá 108,58 tỷ VND tương đương 4,97 triệu USD (tỷ giá 21.840 VND/USD). Tại thời điểm lập báo cáo tài chính quy đổi này, Công ty vẫn đang làm việc với UBND về giá trị đền bù cho những tài sản còn lại của Công viên. Kết luận soát xét của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.

Chúng tôi lưu ý người đọc báo cáo tài chính quy đổi đến Thuyết minh 2 của phần Thuyết minh báo cáo tài chính quy đổi mô tả cơ sở của việc chuyển đổi báo cáo tài chính. Báo cáo tài chính quy đổi này được lập để giúp Công ty đáp ứng yêu cầu của Thông tư 200. Vì thế, báo cáo tài chính quy đổi này có thể không phù hợp để sử dụng cho mục đích khác.

Công ty Cổ phần Quốc tế Hoàng Gia đã lập một bộ báo cáo tài chính bằng Đô la Mỹ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chúng tôi đã phát hành báo cáo kết quả soát xét về báo cáo tài chính này vào ngày 12 tháng 8 năm 2015.



Vũ Đức Nguyên

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số 0764-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho

**CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**

Ngày 12 tháng 8 năm 2015

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Trần Xuân Ánh

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số 0723-2013-001-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015

**MẪU SỐ B 01a-DN**  
 Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2015	31/12/2014
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100=110+130+140+150)	<b>100</b>		<b>220.601.496.060</b>	<b>57.395.593.480</b>
<b>I. Tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>101.867.325.120</b>	<b>25.233.060.840</b>
1. Tiền	111		101.867.325.120	25.233.060.840
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>104.975.352.900</b>	<b>14.758.870.560</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	49.141.364.580	9.363.199.960
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		12.805.943.040	5.271.538.320
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	44.099.643.060	212.752.380
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(1.071.597.780)	(88.620.100)
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>9</b>	<b>13.011.568.020</b>	<b>17.167.391.700</b>
1. Hàng tồn kho	141		13.709.595.240	17.852.577.940
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(698.027.220)	(685.186.240)
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>747.250.020</b>	<b>236.270.380</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		747.250.020	236.270.380
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200 = 220+230+240+250+260)	<b>200</b>		<b>1.026.712.815.480</b>	<b>1.164.827.618.700</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>971.729.619.300</b>	<b>1.058.723.724.380</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	941.655.359.700	1.024.571.611.700
- Nguyên giá	222		1.141.935.070.320	1.252.263.523.260
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(200.279.710.620)	(227.691.911.560)
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	30.074.259.600	34.152.112.680
- Nguyên giá	228		97.307.595.000	100.988.045.160
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(67.233.335.400)	(66.835.932.480)
<b>II. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>12</b>	<b>-</b>	<b>39.002.956.740</b>
- Nguyên giá	231		-	47.995.491.640
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	(8.992.534.900)
<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>20.190.800.520</b>	<b>24.877.575.580</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	13	20.190.800.520	24.877.575.580
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>9.134.771.580</b>	<b>8.967.007.180</b>
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	6	9.134.771.580	8.967.007.180
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>25.657.624.080</b>	<b>33.256.354.820</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		15.879.885.120	26.243.116.180
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	14	896.900.400	693.054.080
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		8.880.838.560	6.320.184.560
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>1.247.314.311.540</b>	<b>1.222.223.212.180</b>

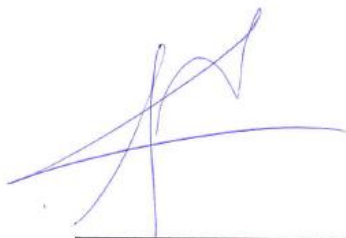
Báo cáo tài chính quy đổi này được chuyển đổi từ báo cáo tài chính đã được soát xét cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 được lập bằng Đô la Mỹ (USD) sang Đồng Việt Nam (VND) theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") hướng dẫn áp dụng chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Báo cáo này cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính được lập bằng Đô la Mỹ (USD) đã được soát xét.

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 35 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính quy đổi

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**  
 Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015

**MẪU SỐ B 01a-DN**  
 Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2015	31/12/2014
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)</b>	<b>300</b>		<b>314.539.463.700</b>	<b>314.014.046.400</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>179.492.595.480</b>	<b>228.508.114.440</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		22.596.924.240	29.310.034.420
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		68.127.840	198.427.780
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	44.960.780.700	30.629.800.440
4. Phải trả người lao động	314		10.629.707.220	10.217.416.480
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		681.735.780	519.191.920
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	15	25.154.832.780	62.295.697.060
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	17	75.400.486.920	95.337.546.340
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>135.046.868.220</b>	<b>85.505.931.960</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337	15	57.723.860.700	118.872.800
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	18	74.317.672.440	82.325.379.020
3. Dự phòng phải trả dài hạn	342		3.005.335.080	3.061.680.140
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)</b>	<b>400</b>		<b>932.774.847.840</b>	<b>908.209.165.780</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>19</b>	<b>932.774.847.840</b>	<b>908.209.165.780</b>
1. Vốn điều lệ	411		703.687.540.000	703.687.540.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		81.363.105.200	81.363.105.200
3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		252.898.910.244	235.852.561.565
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		11.206.193.409	11.206.193.409
5. (Lỗ lũy kế)	420		(116.380.901.013)	(123.900.234.394)
- (Lỗ)/Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(123.932.668.894)	29.249.019.706
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/(Lỗ) năm nay	421b		7.551.767.881	(153.149.254.100)
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440= 300+400)</b>	<b>440</b>		<b>1.247.314.311.540</b>	<b>1.222.223.212.180</b>



Cao Thị Huyền  
 Người lập biểu

Ngày 12 tháng 8 năm 2015



Nguyễn Linh Chi  
 Kế toán trưởng



Đỗ Trí Vỹ  
 Tổng Giám đốc

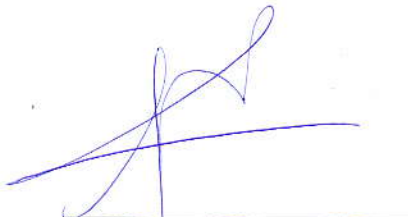
Báo cáo tài chính quy đổi này được chuyển đổi từ báo cáo tài chính đã được soát xét cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 được lập bằng Đô la Mỹ (USD) sang Đồng Việt Nam (VND) theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn áp dụng chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Báo cáo này cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính được lập bằng Đô la Mỹ (USD) đã được soát xét.

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 35 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính quy đổi

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
 Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015

**MẪU SỐ B 02a-DN**  
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Cho kỳ hoạt động	Cho kỳ hoạt động
			từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015	từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		155.631.066.794	103.850.654.100
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		272.730.899	345.474.909
<i>Chiết khấu bán hàng</i>	05		272.730.899	345.474.909
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	20	155.358.335.895	103.505.179.191
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	20	100.714.895.841	89.196.085.578
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20	20	54.643.440.054	14.309.093.613
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	5.750.939.572	3.892.524.834
7. Chi phí tài chính	22	23	9.544.543.561	13.136.628.714
<i>- Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		8.971.447.569	12.859.322.592
8. Chi phí bán hàng	25		14.542.267.551	12.157.411.386
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		27.495.785.177	68.921.596.434
10. Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20+(21-22)-(25+26))	30		8.811.783.337	(76.014.018.087)
11. Thu nhập khác	31		524.141.520	1.155.151.854
12. Chi phí khác	32	24	1.973.660.948	3.658.745.619
13. (Lỗ) khác (40=31-32)	40		(1.449.519.428)	(2.503.593.765)
14. Tổng lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế (50=30+40)	50		7.362.263.909	(78.517.611.852)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	25	-	-
16. (Thu nhập)/Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	25	(189.503.972)	270.890.736
17. Lợi nhuận/(Lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		7.551.767.881	(78.788.502.588)
18. Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	70	26	107	(1.120)

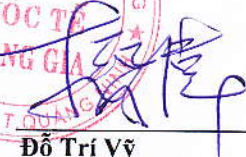


**Cao Thị Huyền**  
 Người lập biểu

Ngày 12 tháng 8 năm 2015



**Nguyễn Linh Chi**  
 Kế toán trưởng

**Đỗ Trí Vỹ**  
 Tổng Giám đốc

Báo cáo tài chính quy đổi này được chuyển đổi từ báo cáo tài chính đã được soát xét cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 được lập bằng Đô la Mỹ (USD) sang Đồng Việt Nam (VND) theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") hướng dẫn áp dụng chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Báo cáo này cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính được lập bằng Đô la Mỹ (USD) đã được soát xét.

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 35 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính quy đổi

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

*Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015*

**MẪU SỐ B 03a-DN**  
 Đơn vị: VND

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015</b>	<b>Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014</b>
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>1. Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>7.362.263.909</b>	<b>(78.517.611.852)</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>			
Khấu hao tài sản cố định	02	28.402.761.912	27.856.795.620
Các khoản dự phòng	03	861.460.320	(928.085.427)
(Lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(3.479.919.128)	(2.810.109.012)
Lỗi từ thanh lý tài sản cố định	05	-	732.607.341
Chi phí lãi vay	06	8.971.447.569	12.859.322.592
<b>3. Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>42.118.014.582</b>	<b>(40.807.080.738)</b>
Thay đổi các khoản phải thu	09	(54.208.233.933)	22.640.683.185
Thay đổi hàng tồn kho	10	2.019.912.545	(3.719.351.898)
Thay đổi các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	45.417.403.283	40.127.134.794
Thay đổi chi phí trả trước	12	10.273.065.677	27.941.958.807
Tiền lãi vay đã trả	14	(9.017.136.968)	(12.043.995.009)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(17.103.793)	(50.494.611)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>36.585.921.393</b>	<b>34.088.854.530</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(28.587.876.415)	(24.079.237.902)
2. Tiền thu từ bồi thường TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	95.446.365.399	2.896.270.620
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>66.858.488.984</b>	<b>(21.182.967.282)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	82.806.532.634	78.993.200.136
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(110.692.872.437)	(91.155.582.384)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(27.886.339.803)</b>	<b>(12.162.382.248)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>75.558.070.574</b>	<b>743.505.000</b>
<b>Tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>25.233.060.840</b>	<b>4.324.090.715</b>
<b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</b>	<b>61</b>	<b>1.076.193.706</b>	<b>123.661.585</b>
<b>Tiền cuối kỳ (70=50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>101.867.325.120</b>	<b>5.191.257.300</b>

Báo cáo tài chính quy đổi này được chuyển đổi từ báo cáo tài chính đã được soát xét cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 được lập bằng Đô la Mỹ (USD) sang Đồng Việt Nam (VND) theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") hướng dẫn áp dụng chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Báo cáo này cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính được lập bằng Đô la Mỹ (USD) đã được soát xét.

*Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 35 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính quy đổi*



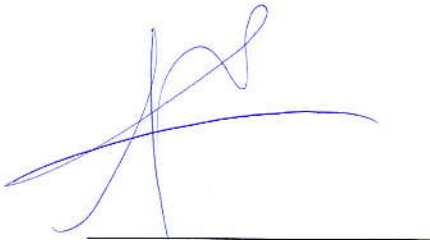
**BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ (Tiếp theo)**

*Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015*

**Thông tin bổ sung cho báo cáo lưu chuyển tiền tệ**

Tiền thu từ bồi thường tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác thể hiện số tiền bồi thường đợt 1 đã nhận trong kỳ cho các tài sản thuộc về hạng mục tài sản, vật kiến trúc trên đất theo Quyết định số 955/QĐ-UBND ngày 08 tháng 5 năm 2015 của UBND thành phố Hạ Long như đã trình bày tại Thuyết minh số 8.

Tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong kỳ không bao gồm số tiền 18.733.217.580 VND (kỳ 6 tháng đầu năm 2014: 28.220.808.940 VND) là số tiền dùng để mua thêm tài sản cố định phát sinh trong kỳ mà chưa được thanh toán và đã bao gồm số tiền 11.778.340.860 VND (kỳ 6 tháng đầu năm 2014: 7.053.710.980 VND) trả trước cho nhà cung cấp để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả, các khoản phải thu tương ứng.



**Cao Thị Huyền**  
Người lập biểu

*Ngày 12 tháng 8 năm 2015*



**Nguyễn Linh Chi**  
Kế toán trưởng



**Đỗ Trí Vỹ**  
Tổng Giám đốc

Báo cáo tài chính quy đổi này được chuyển đổi từ báo cáo tài chính đã được soát xét cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 được lập bằng Đô la Mỹ (USD) sang Đồng Việt Nam (VND) theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") hướng dẫn áp dụng chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Báo cáo này cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính được lập bằng Đô la Mỹ (USD) đã được soát xét.

*Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 35 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính quy đổi*

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUY ĐỔI**

**MẪU SỐ B 09a-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính quy đổi kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Quốc tế Hoàng Gia (gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần được chuyển đổi hình thức hoạt động từ công ty liên doanh nước ngoài theo Nghị định số 38/2003/NĐ-CP của Chính phủ ngày 15 tháng 4 năm 2003 về việc chuyển đổi một số doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài sang hoạt động theo hình thức công ty cổ phần và Thông tư liên tịch số 08/TTLT-BKH-BTC của Bộ Kế hoạch - Đầu tư và Bộ Tài chính ngày 29 tháng 12 năm 2003 hướng dẫn thực hiện Nghị định số 38/2003/NĐ-CP. Ngày 15 tháng 6 năm 2005, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã cấp Giấy phép đầu tư số 953/CPH/GP cho phép Công ty Liên doanh TNHH Quốc tế Hoàng Gia chuyển thành Công ty Cổ phần Quốc tế Hoàng Gia với mệnh giá cổ phần, vốn điều lệ và tổng số lượng cổ phần như sau:

- Mệnh giá cổ phần: 01 Đô la Mỹ/cổ phần
- Vốn điều lệ: 21.000.000 Đô la Mỹ
- Tổng số lượng cổ phần: 21.000.000 cổ phần.

Ngày 14 tháng 3 năm 2006, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã cấp Giấy phép đầu tư sửa đổi số 953/CPH/GPDC1 chấp thuận việc chuyển đổi đồng tiền ghi mệnh giá cổ phần của Công ty. Theo đó, mệnh giá cổ phần, vốn điều lệ và tổng số lượng cổ phần của Công ty là:

- Mệnh giá cổ phần: 10.000 VND/cổ phần
- Vốn điều lệ: 332.136.000.000 VND
- Tổng số lượng cổ phần: 33.213.600 cổ phần.

Ngày 28 tháng 01 năm 2008, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã cấp Giấy phép đầu tư sửa đổi số 953/GCNĐC3/22/1 chấp thuận tăng vốn điều lệ của Công ty. Theo đó, mệnh giá cổ phần, vốn điều lệ và tổng số lượng cổ phần của Công ty là:

- Mệnh giá cổ phần: 10.000 VND/cổ phần
- Vốn điều lệ: 410.319.760.000 VND
- Tổng số lượng cổ phần: 41.031.976 cổ phần.

Ngày 01 tháng 7 năm 2008, Công ty nhận được Giấy chứng nhận đầu tư đăng ký lại số 221.032.000.118 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Ninh cấp cho các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Luật Đầu tư 2005.

Ngày 30 tháng 10 năm 2008, Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã cấp Giấy chứng nhận đầu tư sửa đổi lần 1 số 221.032.000.118 chấp thuận tăng vốn điều lệ của Công ty. Theo đó, mệnh giá cổ phần, vốn điều lệ và tổng số lượng cổ phần của Công ty là:

- Mệnh giá cổ phần: 10.000 VND/cổ phần
- Vốn điều lệ: 514.381.130.000 VND
- Tổng số lượng cổ phần: 51.438.113 cổ phần.

Ngày 30 tháng 6 năm 2009, Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã cấp cho Công ty Giấy chứng nhận đầu tư sửa đổi lần 2 số 221.032.000.118 về thay đổi vốn của cổ đông sáng lập.

Ngày 22 tháng 9 năm 2009, Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã cấp cho Công ty Giấy chứng nhận đầu tư sửa đổi lần 3 số 221.032.000.118. Theo đó, vốn đầu tư là 730.473.560.000 VND, mệnh giá cổ phần, vốn điều lệ và tổng số lượng cổ phần của Công ty là:

- Mệnh giá cổ phần: 10.000 VND/cổ phần
- Vốn điều lệ: 565.814.070.000 VND
- Tổng số lượng cổ phần: 56.581.407 cổ phần.

Báo cáo tài chính quy đổi này được chuyển đổi từ báo cáo tài chính đã được soát xét cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 được lập bằng Đô la Mỹ (USD) sang Đồng Việt Nam (VND) theo hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn áp dụng chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Báo cáo này cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính được lập bằng Đô la Mỹ (USD) đã được soát xét.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUY ĐỔI (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính quy đổi kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)**

**Hình thức sở hữu vốn (Tiếp theo)**

Ngày 18 tháng 01 năm 2010, Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã cấp cho Công ty Giấy chứng nhận đầu tư sửa đổi lần 4 số 221.032.000.118. Theo đó, Đại diện Công ty là Ông Dương Khánh Nam, người Đài Loan, Chức vụ Tổng Giám đốc.

Ngày 22 tháng 11 năm 2010, Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã cấp cho Công ty Giấy chứng nhận đầu tư sửa đổi lần 5 số 221.032.000.118. Theo đó, vốn đầu tư là 730.473.560.000 VND, mệnh giá cổ phần, vốn điều lệ và tổng số lượng cổ phần của Công ty là:

- Mệnh giá cổ phần: 10.000 VND/cổ phần
- Vốn điều lệ: 650.673.890.000 VND
- Tổng số lượng cổ phần: 65.067.389 cổ phần.

Ngày 13 tháng 3 năm 2012, Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã cấp cho Công ty Giấy chứng nhận đầu tư sửa đổi lần 6 số 221.032.000.118. Theo đó, vốn đầu tư là 730.473.560.000 VND, mệnh giá cổ phần, vốn điều lệ và tổng số lượng cổ phần của Công ty là:

- Mệnh giá cổ phần: 10.000 VND/cổ phần
- Vốn điều lệ: 683.199.650.000 VND
- Tổng số lượng cổ phần: 68.319.965 cổ phần.

Ngày 30 tháng 10 năm 2012, Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã cấp cho Công ty Giấy chứng nhận đầu tư sửa đổi lần 7 số 221.032.000.118. Theo đó, vốn đầu tư là 730.473.560.000 VND, mệnh giá cổ phần, vốn điều lệ và tổng số lượng cổ phần của Công ty là:

- Mệnh giá cổ phần: 10.000 VND/cổ phần
- Vốn điều lệ: 703.687.540.000 VND
- Tổng số lượng cổ phần: 70.368.754 cổ phần.

Ngày 25 tháng 7 năm 2013, Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã cấp cho Công ty Giấy chứng nhận đầu tư sửa đổi lần 8 số 221.032.000.118. Theo đó, Đại diện Công ty là Ông Đỗ Trí Vỹ, người Đài Loan, Chức vụ Tổng Giám đốc.

Ngày 12 tháng 9 năm 2014, Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã cấp cho Công ty Giấy chứng nhận đầu tư sửa đổi lần 9 số 221.032.000.118. Theo đó, giá trị vốn đầu tư của Công ty tăng từ 46.000.000 USD lên thành 67.000.000 USD tương đương 1.171.473.560.000 VND.

Chủ sở hữu (Công ty mẹ) của Công ty là Công ty TNHH Đầu tư Quốc tế Khải Tiệp (thành lập tại George Town, Đảo Grand Cayman, Quần đảo Cayman).

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 là 1.532 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 1.619 người).

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Công ty hoạt động trong ngành kinh doanh khách sạn và duy trì một khu biệt lập trong khuôn viên dự án để kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng và casino.

Hoạt động chính của Công ty là xây dựng và kinh doanh một khu khách sạn đạt tiêu chuẩn năm sao, kinh doanh trò chơi có thưởng dành riêng cho người nước ngoài cùng các hoạt động vui chơi giải trí tại phường Bãi Cháy, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh. Ngoài ra, Công ty được phép làm Đại lý đối ngoại tệ theo Giấy chứng nhận số 1060/NHNN-QNN1 do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ninh cấp ngày 28 tháng 11 năm 2008.

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian 12 tháng.

Báo cáo tài chính quy đổi này được chuyển đổi từ báo cáo tài chính đã được soát xét cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 được lập bằng Đô la Mỹ (USD) sang Đồng Việt Nam (VND) theo hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn áp dụng chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Báo cáo này cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính được lập bằng Đô la Mỹ (USD) đã được soát xét.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUY ĐỔI (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính quy đổi kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)**

**Các sự kiện quan trọng đã xảy ra trong kỳ hoạt động**

Ngày 27 tháng 6 năm 2015, Đại hội Cổ đông Công ty đã nhất trí thông qua việc Bàn giao Công viên Hoàng Gia cho UBND Tỉnh Quảng Ninh và giao cho Hội đồng quản trị và Ban giám đốc Công ty tiếp tục làm việc với cơ quan nhà nước, UBND tỉnh Quảng Ninh để có phương án đền bù thỏa đáng và tối ưu cho Công ty. Toàn bộ giá trị còn lại của tài sản thuộc khu Công viên đã được phân loại lại sang khoản mục phải thu khác như đã trình bày tại Thuyết minh số 8.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUY ĐỔI VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính quy đổi**

Công ty sử dụng Đô la Mỹ (USD) làm đơn vị tiền tệ kế toán. Ban Giám đốc Công ty cho rằng việc sử dụng đơn vị tiền tệ kế toán bằng Đô la Mỹ là cần thiết để phản ánh bản chất kinh tế của các nghiệp vụ liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Cho mục đích công bố báo cáo theo luật định tại Việt Nam, Công ty đã thực hiện chuyển đổi báo cáo tài chính đã được soát xét cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 được lập bằng Đô la Mỹ (USD) sang Đồng Việt Nam (VND) theo nguyên tắc sau:

- Tài sản và nợ phải trả được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 là 21.780 VND/USD (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 21.380 VND/USD), (là tỷ giá chuyển khoản của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (“Vietcombank”) - ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm báo cáo);
- Vốn chủ sở hữu (vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần và vốn khác,) được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày góp vốn;
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối, các quỹ trích từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phát sinh sau ngày đầu tư được quy đổi ra Đồng Việt Nam bằng cách tính toán theo các khoản mục của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Lợi nhuận, cổ tức đã trả được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày trả lợi tức, cổ tức;
- Các khoản mục thuộc Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá bình quân (bình quân của tỷ giá chuyển khoản của Vietcombank tại ngày 01 tháng 01 và ngày 30 tháng 6) kỳ kế toán hiện tại là 21.623 VND/USD (kỳ 6 tháng đầu năm 2014: 21.243 VND/USD).

Chênh lệch tỷ giá phát sinh khi chuyển đổi Báo cáo tài chính quy đổi được lập bằng đồng ngoại tệ ra Đồng Việt Nam được ghi nhận trên chỉ tiêu “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” - Mã số 417 thuộc phần Vốn chủ sở hữu của Bảng cân đối kế toán.

Các báo cáo tài chính quy đổi kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính quy đổi giữa niên độ này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015.

Báo cáo tài chính quy đổi này được chuyển đổi từ báo cáo tài chính đã được soát xét cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 được lập bằng Đô la Mỹ (USD) sang Đồng Việt Nam (VND) theo hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn áp dụng chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Báo cáo này cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính được lập bằng Đô la Mỹ (USD) đã được soát xét.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUY ĐỔI (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính quy đổi kèm theo*

**3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI**

**Hướng dẫn mới về chế độ kế toán doanh nghiệp**

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Ban Giám đốc Công ty đã áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính quy đổi cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015.

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính quy đổi tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính quy đổi yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính quy đổi cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Công cụ tài chính**

**Ghi nhận ban đầu**

*Tài sản tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác.

*Công nợ tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả và các khoản vay.

**Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và các khoản tiền gửi không kỳ hạn.

**Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác**

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Báo cáo tài chính quy đổi này được chuyển đổi từ báo cáo tài chính đã được soát xét cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 được lập bằng Đô la Mỹ (USD) sang Đồng Việt Nam (VND) theo hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn áp dụng chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Báo cáo này cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính được lập bằng Đô la Mỹ (USD) đã được soát xét.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUY ĐỔI (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09a-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính quy đổi kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Riêng đối với các khoản phải thu từ hoạt động kinh doanh trò chơi có thưởng của Câu lạc bộ Quốc tế Hoàng Gia, dự phòng phải thu khó đòi được trích lập dựa trên thời gian như sau:

Thời gian nợ (tháng)	Tỷ lệ dự phòng (%)
0 - 1	3
1 - 2	6,25
2 - 3	12,50
3 - 4	25
4 - 5	50
5 - 6	75
Trên 6 tháng	100

**Chính sách tín dụng đối với hoạt động của Câu lạc bộ Quốc tế Hoàng Gia**

Ngày 01 tháng 01 năm 2010, Hội đồng Quản trị đã ban hành chính sách tín dụng sửa đổi đối với hoạt động của Câu lạc bộ Quốc tế Hoàng Gia. Theo đó, tổng hạn mức tín dụng cho khách chơi không vượt quá 9 triệu USD. Các khoản nợ từ 1,5 triệu USD trở lên phải có tài sản đảm bảo ít nhất là 50% giá trị khoản nợ, thời hạn cho nợ tối đa là 1 năm đối với các khoản nợ có tài sản đảm bảo và tối đa là 6 tháng đối với các khoản nợ không có tài sản đảm bảo. Khách hàng được cho nợ dưới dạng chip để chơi tại Câu lạc bộ Quốc tế Hoàng Gia và được hoàn trả bằng chip hoặc bằng tiền.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua và các chi phí khác có liên quan để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định như sau:

**Loại hàng tồn kho**

Hàng ăn  
Hàng giải khát  
Hàng lưu niệm, mỹ nghệ  
Vật tư khác

**Phương pháp tính giá**

Nhập trước - Xuất trước  
Bình quân gia quyền  
Giá đích danh  
Nhập trước - Xuất trước

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

Báo cáo tài chính quy đổi này được chuyển đổi từ báo cáo tài chính đã được soát xét cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 được lập bằng Đô la Mỹ (USD) sang Đồng Việt Nam (VND) theo hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn áp dụng chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Báo cáo này cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính được lập bằng Đô la Mỹ (USD) đã được soát xét.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUY ĐỔI (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính quy đổi kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<b>Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015</b>
	<b>(Số năm)</b>
Nhà cửa, vật kiến trúc	35
Máy móc, thiết bị	10
Thiết bị văn phòng	5 - 10
Phương tiện vận tải	8
Tài sản cố định khác	5

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và phần mềm máy tính được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Quyền sử dụng đất thể hiện giá trị quyền sử dụng 8,6 ha đất; 8 ha bãi cát bờ biển và 10,8 ha mặt nước tiếp giáp bờ biển tại phường Bãi Cháy - TP. Hạ Long trong thời gian của Giấy phép đầu tư là 26 năm và 7 tháng bắt đầu từ ngày 13 tháng 8 năm 1994. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất.

Phần mềm máy tính được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 5 - 10 năm kể từ ngày bắt đầu sử dụng.

**Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà xưởng, vật kiến trúc do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính.

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Báo cáo tài chính quy đổi này được chuyển đổi từ báo cáo tài chính đã được soát xét cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 được lập bằng Đô la Mỹ (USD) sang Đồng Việt Nam (VND) theo hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn áp dụng chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Báo cáo này cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính được lập bằng Đô la Mỹ (USD) đã được soát xét.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUY ĐỔI (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính quy đổi kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Các khoản trả trước dài hạn**

Chi phí trả trước dài hạn của Công ty bao gồm giá trị còn lại của các khoản chi phí trước hoạt động phát sinh trước khi Khách sạn Hoàng Gia Hạ Long đi vào hoạt động kinh doanh và giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng trong nhiều kỳ kinh doanh. Các chi phí này được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2-3 năm theo các quy định hiện hành.

**Các khoản dự phòng phải trả**

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

**Ghi nhận doanh thu**

*Doanh thu từ hoạt động trò chơi có thưởng*

Doanh thu đối với hoạt động của Câu lạc bộ Quốc tế Hoàng Gia được xác định theo ngày đối với hoạt động chơi bài tại bàn chơi và mười ngày một lần đối với hoạt động kinh doanh bằng máy nạp xèng, cụ thể:

- Doanh thu hoạt động chơi bài tại bàn chơi được ghi nhận trên cơ sở số chênh lệch giữa số chip cuối ca trừ số chip đầu ca tại từng bàn chơi cộng (+) số chip chuyển từ bàn chơi vào quầy trừ (-) số chip chuyển từ quầy ra bàn chơi. Kết quả này không phụ thuộc vào việc đã thu được tiền hay chưa.
- Doanh thu hoạt động kinh doanh bằng máy nạp xèng bằng số tiền thu được do đổi cho khách tại quầy thu ngân trước khi chơi trừ đi số tiền trả lại cho khách.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Báo cáo tài chính quy đổi này được chuyển đổi từ báo cáo tài chính đã được soát xét cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 được lập bằng bảng Đô la Mỹ (USD) sang Đồng Việt Nam (VND) theo hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn áp dụng chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Báo cáo này cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính được lập bằng Đô la Mỹ (USD) đã được soát xét.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUY ĐỔI (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính quy đổi kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Trợ cấp thôi việc phải trả**

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức trích cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 bằng một nửa mức lương bình quân tháng theo Luật Lao động, Luật Bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hay giảm của khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**Ngoại tệ**

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính quy đổi và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Báo cáo tài chính quy đổi này được chuyển đổi từ báo cáo tài chính đã được soát xét cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 được lập bằng Đô la Mỹ (USD) sang Đồng Việt Nam (VND) theo hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn áp dụng chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Báo cáo này cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính được lập bằng Đô la Mỹ (USD) đã được soát xét.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUY ĐỔI (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính quy đổi kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Thuế (Tiếp theo)**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Các khoản lỗ tính thuế sẽ được kiểm tra và phê duyệt bởi cơ quan thuế địa phương và có thể được kết chuyển sang để bù trừ với lợi nhuận tính thuế của Công ty nhưng không quá 5 năm tiếp theo kể từ năm phát sinh lỗ tính thuế. Công ty không có tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại nào được ghi nhận liên quan đến khoản lỗ tính thuế này do không chắc chắn về khả năng thực hiện trong tương lai.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**5. TIỀN**

	<u>30/6/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Tiền mặt	21.195.729.720	23.728.144.020
Tiền gửi ngân hàng	80.671.595.400	1.504.916.820
	<u><u>101.867.325.120</u></u>	<u><u>25.233.060.840</u></u>

**6. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC**

	<u>30/6/2015</u>			<u>31/12/2014</u>		
	VND			VND		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia	9.134.771.580	-	9.134.771.580	8.967.007.180	-	8.967.007.180
	<u>9.134.771.580</u>	<u>-</u>	<u>9.134.771.580</u>	<u>8.967.007.180</u>	<u>-</u>	<u>8.967.007.180</u>

Giá trị vốn góp tương ứng với 5% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia.

**7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	<u>30/6/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Đại lý Chứng Phát	1.244.530.980	1.754.207.620
Đại lý Long Bay	19.385.245.440	2.953.924.940
Đại lý Đại Dương Thành	20.060.991.720	-
Đại lý Salon	4.595.296.860	-
Khách đoàn Long Bay	2.454.714.900	2.273.485.060
Các khoản phải thu khách hàng khác	1.400.584.680	2.381.582.340
	<u><u>49.141.364.580</u></u>	<u><u>9.363.199.960</u></u>

Báo cáo tài chính quy đổi này được chuyển đổi từ báo cáo tài chính đã được soát xét cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 được lập bằng Đô la Mỹ (USD) sang Đồng Việt Nam (VND) theo hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn áp dụng chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Báo cáo này cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính được lập bằng Đô la Mỹ (USD) đã được soát xét.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUY ĐỔI (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính quy đổi kèm theo*

**8. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	30/6/2015	31/12/2014
	VND	VND
Phải thu người lao động	470.360.880	37.115.680
Phải thu tiền bồi thường (*)	42.795.805.140	-
Phải thu khác	833.477.040	175.636.700
	<b>44.099.643.060</b>	<b>212.752.380</b>

(\*): Chi tiết:

Giá trị còn lại của tài sản đang xem xét phương án đền bù	138.935.186.280
- Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình (xem thêm tại Thuyết minh số 10)	78.401.705.580
- Giá trị còn lại của tài sản vô hình (xem thêm tại Thuyết minh số 11)	2.023.492.680
- Giá trị còn lại của bất động sản đầu tư cho thuê (xem thêm tại Thuyết minh số 12)	39.732.665.940
- Giá trị của xây dựng cơ bản dở dang (xem thêm tại Thuyết minh số 13)	18.777.322.080
Số đền bù đợt 1 đã nhận được trong kỳ	(96.139.381.140)
Số còn phải thu	42.795.805.140

Số phải thu phát sinh trong kỳ thể hiện giá trị ước tính phải thu từ đền bù của các tài sản trên đất và giá trị sử dụng quyền sử dụng đất tại khu Công viên Hoàng Gia bàn giao cho UBND tỉnh Quảng Ninh theo Thông báo số 803/TB-UBND ngày 20 tháng 9 năm 2014 của UBND thành phố Hạ Long và Quyết định số 11/QĐ-UBND ngày 06 tháng 01 năm 2015 của UBND tỉnh Quảng Ninh.

Theo Thông báo số 52/TB-UBND ngày 19 tháng 3 năm 2015 của UBND tỉnh Quảng Ninh thống nhất nguyên tắc và phương pháp tính giá trị đền bù đối với tài sản của khu Công viên Hoàng Gia, theo đó, các công trình sẽ được bồi thường 100% theo đơn giá bồi thường vật kiến trúc tại thời điểm bồi thường với giá trị 100% xây mới. Đối với tài sản là công trình kiến trúc khác, hạ tầng, san lấp nền, hoa màu sẽ được bồi thường 100% giá trị tại thời điểm bồi thường đối với diện tích được UBND giao đất. Phần diện tích ngoài ranh giới được tính giao đất (7,2 ha), Công ty xác định khối lượng và giá trị tôn tạo mặt bằng thực tế và sẽ được hỗ trợ 100% giá trị tại thời điểm bồi thường.

Ngày 27 tháng 6 năm 2015, Đại hội Cổ đông Công ty đã nhất trí thông qua việc Bàn giao Công viên Hoàng Gia cho UBND tỉnh Quảng Ninh và giao cho Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty tiếp tục làm việc với cơ quan Nhà nước, UBND tỉnh Quảng Ninh để có phương án đền bù thỏa đáng và tối ưu cho Công ty.

Ban Giám đốc đã đánh giá một cách thận trọng và xác định giá trị có thể thu hồi từ việc bồi thường sẽ không thấp hơn giá trị còn lại của tài sản khu Công viên. Toàn bộ giá trị còn lại của tài sản thuộc khu Công viên đã được phân loại lại sang khoản mục phải thu khác.

Số đã nhận trong kỳ là số tiền bồi thường đợt 1 cho các tài sản thuộc về hạng mục tài sản, vật kiến trúc trên đất trị giá 108,58 tỷ VND tương đương 4,97 triệu USD (tỷ giá 21.840 VND/USD) đã nhận được ngày 29 tháng 6 năm 2015 theo Quyết định số 955/QĐ-UBND ngày 08 tháng 5 năm 2015 của UBND Thành phố Hạ Long - trong đó, số tiền tương ứng với tài sản của Công ty ước tính là 96,4 tỷ VND tương đương 4,4 triệu USD (tỷ giá 21.840 VND/USD) và số tiền đền bù cho tài sản của các hộ kinh doanh do Công ty nhận hộ ước tính là 12,17 tỷ VND tương đương 557 nghìn USD (tỷ giá 21.840 VND/USD) được ghi nhận trên khoản phải trả khác (xem thêm tại Thuyết minh số 15).

Ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty đã nhận được Quyết định số 1531/QĐ-UBND của UBND thành phố Hạ Long phê duyệt số tiền được bồi thường đợt 2 là 16,481 tỷ VND tương đương 754,6 ngàn USD (tỷ giá 21.840 VND/USD) cho các tài sản thuộc về hạng mục tài sản, vật kiến trúc trên đất.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính quy đổi này, Công ty vẫn đang làm việc với UBND về đơn giá đền bù cho những tài sản còn lại của khu công viên.

Báo cáo tài chính quy đổi này được chuyển đổi từ báo cáo tài chính đã được soát xét cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 được lập bằng Đô la Mỹ (USD) sang Đồng Việt Nam (VND) theo hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn áp dụng chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Báo cáo này cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính được lập bằng Đô la Mỹ (USD) đã được soát xét.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUY ĐỔI (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính quy đổi kèm theo*

**9. HÀNG TỒN KHO**

	30/6/2015		31/12/2014	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	9.027.091.260	-	13.289.636.960	-
Hàng hóa	4.682.503.980	(698.027.220)	4.562.940.980	(685.186.240)
	<b>13.709.595.240</b>	<b>(698.027.220)</b>	<b>17.852.577.940</b>	<b>(685.186.240)</b>

**10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tài sản cố định khác	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
Tại ngày 01/01/2015	935.304.360.480	245.886.954.340	20.714.547.500	13.422.770.220	36.934.890.720	1.252.263.523.260
Tăng do mua sắm	-	-	1.550.213.280	39.530.700	38.899.080	1.628.643.060
Tăng từ XDCB hoàn thành	258.724.620	-	-	-	-	258.724.620
Tăng khác	-	-	-	283.444.920	61.528.500	344.973.420
Giảm khác (*)	128.446.264.980	1.179.561.240	-	56.453.760	6.307.204.860	135.989.484.840
Chênh lệch tỷ giá	17.498.678.400	4.600.317.200	387.550.000	251.127.600	691.017.600	23.428.690.800
Tại ngày 30/6/2015	<b>824.615.498.520</b>	<b>249.307.710.300</b>	<b>22.652.310.780</b>	<b>13.940.419.680</b>	<b>31.419.131.040</b>	<b>1.141.935.070.320</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
Tại ngày 01/01/2015	124.005.517.980	77.830.640.240	9.245.417.540	4.007.125.120	12.603.210.680	227.691.911.560
Khấu hao trong kỳ	9.574.466.220	11.132.672.760	1.041.759.180	1.216.413.000	2.950.362.360	25.915.673.520
Giảm khác (*)	50.370.257.520	1.040.103.900	-	56.453.760	6.120.964.080	57.587.779.260
Chênh lệch tỷ giá	2.320.028.400	1.456.139.200	172.973.200	74.969.600	235.794.400	4.259.904.800
Tại ngày 30/6/2015	<b>85.529.755.080</b>	<b>89.379.348.300</b>	<b>10.460.149.920</b>	<b>5.242.053.960</b>	<b>9.668.403.360</b>	<b>200.279.710.620</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
Tại ngày 30/6/2015	<b>739.085.743.440</b>	<b>159.928.362.000</b>	<b>12.192.160.860</b>	<b>8.698.365.720</b>	<b>21.750.727.680</b>	<b>941.655.359.700</b>
Tại ngày 31/12/2014	<b>811.298.842.500</b>	<b>168.056.314.100</b>	<b>11.469.129.960</b>	<b>9.415.645.100</b>	<b>24.331.680.040</b>	<b>1.024.571.611.700</b>

Như trình bày tại Thuyết minh số 17 và 18, Công ty đã thế chấp nhà cửa, vật kiến trúc, máy móc, thiết bị và phương tiện vận tải với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 là 507.771.215.692 VND (31 tháng 12 năm 2014: 559.525.161.720 VND) để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, một số nhà cửa, vật kiến trúc và máy móc, thiết bị tạm thời không sử dụng với giá trị còn lại là 0 USD (31 tháng 12 năm 2014: 76.961.393.580 VND).

(\*): Giá trị ghi giảm trong kỳ thể hiện giá trị tài sản tại khu Công viên Hoàng Gia bàn giao cho UBND tỉnh Quảng Ninh theo Thông báo số 803/TB-UBND ngày 20 tháng 9 năm 2014 của UBND thành phố Hạ Long, Quyết định số 11/QĐ-UBND ngày 06 tháng 01 năm 2015 của UBND tỉnh Quảng Ninh và Thông báo số 52/TB-UBND ngày 19 tháng 3 năm 2015 của UBND tỉnh Quảng Ninh thống nhất nguyên tắc và phương pháp tính giá trị đền bù đối với tài sản của khu Công viên Hoàng Gia như đã trình bày tại Thuyết minh số 8.

Báo cáo tài chính quy đổi này được chuyển đổi từ báo cáo tài chính đã được soát xét cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 được lập bằng Đô la Mỹ (USD) sang Đồng Việt Nam (VND) theo hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn áp dụng chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Báo cáo này cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính được lập bằng Đô la Mỹ (USD) đã được soát xét.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUY ĐỔI (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính quy đổi kèm theo*

**11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VỐ HÌNH**

	<u>Quyền sử dụng đất</u> VND	<u>Phần mềm kế toán</u> VND	<u>Tổng</u> VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Tại ngày 01/01/2015	99.417.000.000	1.571.045.160	100.988.045.160
Giảm khác (*)	5.569.842.960	-	5.569.842.960
Chênh lệch tỷ giá	1.860.000.000	29.392.800	1.889.392.800
<b>Tại ngày 30/6/2015</b>	<b>95.707.157.040</b>	<b>1.600.437.960</b>	<b>97.307.595.000</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Tại ngày 01/01/2015	65.653.447.440	1.182.485.040	66.835.932.480
Khấu hao trong kỳ	2.591.732.880	101.581.920	2.693.314.800
Giảm khác (*)	3.546.350.280	-	3.546.350.280
Chênh lệch tỷ giá	1.228.315.200	22.123.200	1.250.438.400
<b>Tại ngày 30/6/2015</b>	<b>65.927.145.240</b>	<b>1.306.190.160</b>	<b>67.233.335.400</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại ngày 30/6/2015	<b>29.780.011.800</b>	<b>294.247.800</b>	<b>30.074.259.600</b>
Tại ngày 31/12/2014	<b>33.763.552.560</b>	<b>388.560.120</b>	<b>34.152.112.680</b>

(\*): Giá trị ghi giảm trong kỳ thể hiện giá trị tài sản tại khu Công viên Hoàng Gia bàn giao cho UBND tỉnh Quảng Ninh theo Thông báo số 803/TB-UBND ngày 20 tháng 9 năm 2014 của UBND thành phố Hạ Long, Quyết định số 11/QĐ-UBND ngày 06 tháng 01 năm 2015 của UBND tỉnh Quảng Ninh và thông báo số 52/TB-UBND ngày 19 tháng 3 năm 2015 của UBND tỉnh Quảng Ninh thống nhất nguyên tắc và phương pháp tính giá trị đền bù đối với tài sản của khu Công viên Hoàng Gia như đã trình bày tại Thuyết minh số 8.

Như trình bày tại Thuyết minh số 17 và 18, Công ty đã thế chấp toàn bộ giá trị quyền sử dụng đất để đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân.

**12. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ CHO THUÊ**

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u> VND	<u>Tổng</u> VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
Tại ngày 01/01/2015	47.995.491.640	47.995.491.640
Giảm khác (*)	48.893.442.840	48.893.442.840
Chênh lệch tỷ giá	897.951.200	897.951.200
<b>Tại ngày 30/6/2015</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>		
Tại ngày 01/01/2015	8.992.534.900	8.992.534.900
Giảm khác (*)	9.160.776.900	9.160.776.900
Chênh lệch tỷ giá	168.242.000	168.242.000
<b>Tại ngày 30/6/2015</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
Tại ngày 30/6/2015	<b>-</b>	<b>-</b>
Tại ngày 31/12/2014	<b>39.002.956.740</b>	<b>39.002.956.740</b>

Báo cáo tài chính quy đổi này được chuyển đổi từ báo cáo tài chính đã được soát xét cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 được lập bằng Đô la Mỹ (USD) sang Đồng Việt Nam (VND) theo hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn áp dụng chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Báo cáo này cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính được lập bằng Đô la Mỹ (USD) đã được soát xét.

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ HOÀNG GIA**

Phường Bãi Cháy, TP. Hạ Long  
 Tỉnh Quảng Ninh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính quy đổi**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015  
 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUY ĐỔI (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09a-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính quy đổi kèm theo

**12. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ CHO THUÊ (Tiếp theo)**

(\*): Giá trị ghi giảm trong kỳ thể hiện giá trị tài sản tại khu Công viên Hoàng Gia bàn giao cho UBND tỉnh Quảng Ninh theo Thông báo số 803/TB-UBND ngày 20 tháng 9 năm 2014 của UBND thành phố Hạ Long, Quyết định số 11/QĐ-UBND ngày 06 tháng 01 năm 2015 của UBND tỉnh Quảng Ninh và Thông báo số 52/TB-UBND ngày 19 tháng 3 năm 2015 của UBND tỉnh Quảng Ninh thống nhất nguyên tắc và phương pháp tính giá trị đền bù đối với tài sản của khu Công viên Hoàng Gia như đã trình bày tại Thuyết minh số 8.

**13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG DÀI HẠN**

Biến động trong kỳ:

	Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015	Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014
	VND	VND
Tại ngày 01/01	24.877.575.580	707.730.633.830
Tăng trong kỳ	13.883.835.240	14.942.716.800
Kết chuyển sang tài sản cố định	(258.724.620)	(663.863.894.700)
Giảm khác(*)	(18.777.322.080)	(27.541.560.300)
Chênh lệch tỷ giá	465.436.400	7.216.603.570
<b>Tại ngày 30 tháng 6</b>	<b>20.190.800.520</b>	<b>38.484.499.200</b>

(\*): Giá trị ghi giảm trong kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 thể hiện giá trị tài sản tại khu Công viên Hoàng Gia bàn giao cho UBND tỉnh Quảng Ninh theo Thông báo số 803/TB-UBND ngày 20 tháng 9 năm 2014 của UBND thành phố Hạ Long, Quyết định số 11/QĐ-UBND ngày 06 tháng 01 năm 2015 của UBND tỉnh Quảng Ninh và Thông báo số 52/TB-UBND ngày 19 tháng 3 năm 2015 của UBND tỉnh Quảng Ninh thống nhất nguyên tắc và phương pháp tính giá trị đền bù đối với tài sản của khu Công viên Hoàng Gia như đã trình bày tại Thuyết minh số 8.

Chi tiết số dư:

	30/6/2015	31/12/2014
	VND	VND
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang dài hạn		
- XD CB	20.093.160.780	24.781.729.040
- Mua sắm	97.639.740	95.846.540
	<b>20.190.800.520</b>	<b>24.877.575.580</b>
Trong đó:		
- Khu nhà đa năng	12.632.770.260	-
- Khách sạn Hoàng Gia Hạ Long (**)	7.327.053.360	6.149.486.640
- Khu văn phòng	133.337.160	199.774.720
- Khu Công viên	-	18.432.467.680

(\*\*): Như trình bày tại Thuyết minh số 17, Công ty đã thế chấp ngân hàng giá trị của công trình xây dựng dở dang này để bảo đảm cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân.

Báo cáo tài chính quy đổi này được chuyển đổi từ báo cáo tài chính đã được soát xét cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 được lập bằng Đô la Mỹ (USD) sang Đồng Việt Nam (VND) theo hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn áp dụng chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Báo cáo này cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính được lập bằng Đô la Mỹ (USD) đã được soát xét.

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ HOÀNG GIA**

Phường Bãi Cháy, TP. Hạ Long  
Tỉnh Quảng Ninh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính quy đổi**  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015  
đến ngày 30 tháng 6 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUY ĐỔI (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09a-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính quy đổi kèm theo

**14. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI**

	Dự phòng trợ cấp thôi việc	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	Tổng
	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2014	673.576.900	19.477.180	693.054.080
Ghi nhận trong kỳ	(25.003.440)	215.883.360	190.879.920
Chênh lệch tỷ giá	12.602.000	364.400	12.966.400
Tại ngày 30/6/2015	661.175.460	235.724.940	896.900.400

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, lỗ lũy kế của Công ty là 109,56 tỷ VND. Các khoản lỗ tính thuế sẽ được kiểm tra và phê duyệt bởi cơ quan thuế địa phương và có thể được kết chuyển sang để bù trừ với lợi nhuận tính thuế của Công ty nhưng không quá 5 năm tiếp theo kể từ năm phát sinh lỗ tính thuế. Công ty không có tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại nào được ghi nhận liên quan đến khoản lỗ tính thuế này do không chắc chắn về khả năng thực hiện trong tương lai.

**15. PHẢI TRẢ KHÁC**

	30/6/2015	31/12/2014
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	51.799.079.160
- Đại lý Long Bay	-	15.415.621.400
- Đại lý Đại Dương Thành	-	36.383.457.760
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	25.154.832.780	10.496.617.900
+ Tiền phải trả về đền bù cho hộ dân (*)	12.173.887.440	-
+ Chíp trôi nổi	6.710.635.800	5.457.180.860
+ Bảo hành xây dựng	5.371.732.080	4.417.385.940
+ Đặt cọc thuê điểm	137.758.500	135.228.500
+ Khác	760.818.960	486.822.600
<b>Cộng</b>	<b>25.154.832.780</b>	<b>62.295.697.060</b>
b) Dài hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	57.619.708.740	-
- Đại lý Đại Dương Thành	32.670.000.000	-
- Đại lý Long Bay	24.949.708.740	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	104.151.960	118.872.800
<b>Cộng</b>	<b>57.723.860.700</b>	<b>118.872.800</b>

(\*): Bao gồm số tiền đền bù cho tài sản của các hộ kinh doanh do Công ty nhận hộ với giá trị ước tính là 12,17 tỷ VND tương đương 558 nghìn USD (tỷ giá 21.780 VND/USD) theo Quyết định số 955/QĐ-UBND ngày 08 tháng 5 năm 2015 của UBND Thành phố Hạ Long như đã trình bày tại Thuyết minh số 8.

**16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ NHÀ NƯỚC**

	31/12/2014	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Chênh lệch tỷ giá	30/6/2015
	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	11.615.476.060	12.525.765.120	(4.999.991.040)	217.314.800	19.358.564.940
Thuế tiêu thụ đặc biệt	12.405.488.440	13.368.106.620	(7.000.919.640)	232.095.200	19.004.770.620
Thuế khác	6.608.835.940	1.548.558.000	(1.683.594.000)	123.645.200	6.597.445.140
<b>Cộng</b>	<b>30.629.800.440</b>	<b>27.442.429.740</b>	<b>(13.684.504.680)</b>	<b>573.055.200</b>	<b>44.960.780.700</b>

Báo cáo tài chính quy đổi này được chuyển đổi từ báo cáo tài chính đã được soát xét cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 được lập bằng Đô la Mỹ (USD) sang Đồng Việt Nam (VND) theo hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn áp dụng chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Báo cáo này cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính được lập bằng Đô la Mỹ (USD) đã được soát xét.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUY ĐỔI (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính quy đổi kèm theo*

**MẪU SỐ B 09a-DN**

**17. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	31/12/2014		Trong kỳ		30/6/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Chênh lệch tỷ giá	Giá trị
	VND		VND		VND	
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân (i)	39.407.124.260	39.407.124.260	43.033.925.880	43.708.147.560	737.270.800	39.470.173.380
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hạ Long (ii)	19.996.628.480	19.996.628.480	20.249.127.360	20.689.540.740	374.118.400	19.930.333.500
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ninh	-	-	-	-	-	-
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ninh	19.932.296.060	19.932.296.060	20.124.720.000	40.429.930.860	372.914.800	-
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 18)	16.001.497.540	16.001.497.540	7.999.990.020	8.300.880.720	299.373.200	15.999.980.040
	<b>95.337.546.340</b>	<b>95.337.546.340</b>	<b>91.407.763.260</b>	<b>113.128.499.880</b>	<b>1.783.677.200</b>	<b>75.400.486.920</b>

(i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân bằng VND với hạn mức tín dụng của hợp đồng này là 60 tỷ VND tương đương 2,75 triệu USD (tỷ giá 21.780 VND/USD) và đáo hạn vào ngày 30 tháng 9 năm 2015. Khoản vay này có lãi suất được điều chỉnh theo thông báo của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân cho từng thời kỳ. Lãi vay được trả hàng tháng. Khoản vay này cùng với khoản vay dài hạn tại Thuyết minh số 18 được thế chấp bằng toàn bộ giá trị quyền sử dụng đất của Công ty.

(ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hạ Long bằng VND với hạn mức tín dụng của hợp đồng này là 20 tỷ VND tương đương 918 nghìn USD (tỷ giá 21.780 VND/USD) và đáo hạn vào ngày 23 tháng 4 năm 2016. Khoản vay này chịu lãi suất 10,5%/năm và được tự động điều chỉnh theo mức lãi suất của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hạ Long cho từng thời kỳ. Lãi vay được trả hàng tháng. Khoản vay này được thế chấp bằng hệ thống máy móc, thiết bị phân phối điện.

Báo cáo tài chính quy đổi này được chuyển đổi từ báo cáo tài chính đã được soát xét cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 được lập bằng Đô la Mỹ (USD) sang Đồng Việt Nam (VND) theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") hướng dẫn áp dụng chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Báo cáo này cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính được lập bằng Đô la Mỹ (USD) đã được soát xét.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUY ĐỔI (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính quy đổi kèm theo*

**MÃU SỐ B 09a-DN**

**18. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	31/12/2014		30/6/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Trong kỳ VND	Giá trị Số có khả năng trả nợ VND
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân	82.325.379.020	82.325.379.020	9.547.938.180	74.317.672.440
	<b>82.325.379.020</b>	<b>82.325.379.020</b>	<b>9.547.938.180</b>	<b>74.317.672.440</b>

Tại ngày 18 tháng 12 năm 2008, Công ty ký Hợp đồng vay dài hạn số 01/2008/Sheraton với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân để xây dựng đầu tư khách sạn Hoàng Gia Hạ Long và Hợp đồng này được gia hạn và sửa đổi vào ngày 08 tháng 01 năm 2013 tại văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng số 07/PL. Sheraton; tổng hạn mức cho vay là 170 tỷ VND tương đương 7,8 triệu USD (tỷ giá 21.780 VND/USD). Thời hạn cho vay là 96 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên là ngày 03 tháng 01 năm 2013 với khoản cho vay bổ sung, thời gian ân hạn là 3 tháng, thời gian trả nợ là 93 tháng. Khoản vay bổ sung được trả trong 31 kỳ 3 tháng, kỳ trả nợ đầu tiên được ấn định sau khi hết thời gian ân hạn. Khoản vay chịu lãi suất được điều chỉnh theo thông báo của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân cho từng thời kỳ và được trả hàng quý. Khoản vay này được đảm bảo bằng toàn bộ giá trị quyền sử dụng đất và tài sản hình thành từ vốn vay này. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty đã rút toàn bộ hạn mức vốn vay với tổng số tiền 170 tỷ VND (31 tháng 12 năm 2014: 170 tỷ VND).

Báo cáo tài chính quy đổi này được chuyển đổi từ báo cáo tài chính đã được soát xét cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 được lập bằng Đô la Mỹ (USD) sang Đồng Việt Nam (VND) theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") hướng dẫn áp dụng chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Báo cáo này cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính được lập bằng Đô la Mỹ (USD) đã được soát xét.

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ HOÀNG GIA**

Phường Bãi Cháy, TP. Hạ Long  
Tỉnh Quảng Ninh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính quy đổi**  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015  
đến ngày 30 tháng 6 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUY ĐỔI (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09a-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính quy đổi kèm theo*

**18. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (Tiếp theo)**

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	30/6/2015	31/12/2014
	VND	VND
Trong vòng một năm	15.999.980.040	16.001.497.540
Trong năm thứ hai	16.000.001.820	16.001.497.540
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	48.000.005.460	48.004.492.620
Sau năm năm	10.317.665.160	18.319.388.860
	<u>90.317.652.480</u>	<u>98.326.876.560</u>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày tại Thuyết minh số 17)	<u>(15.999.980.040)</u>	<u>(16.001.497.540)</u>
<b>Số phải trả sau 12 tháng</b>	<b>74.317.672.440</b>	<b>82.325.379.020</b>

**19. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn điều lệ	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ dự phòng tài chính	(Lỗ lũy kế)	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2014	703.687.540.000	81.363.105.200	11.206.193.409	29.280.917.206	222.024.524.970	1.047.562.280.785
Lỗ trong năm	-	-	-	(153.149.254.100)	-	(153.149.254.100)
Thù lao Ban Kiểm soát	-	-	-	(31.897.500)	-	(31.897.500)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	-	13.828.036.595	13.828.036.595
Tại ngày 31/12/2014	703.687.540.000	81.363.105.200	11.206.193.409	(123.900.234.394)	235.852.561.565	908.209.165.780
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	7.551.767.881	-	7.551.767.881
Thù lao Ban Kiểm soát (i)	-	-	-	(32.434.500)	-	(32.434.500)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	-	17.046.348.679	17.046.348.679
Tại ngày 30/6/2015	<u>703.687.540.000</u>	<u>81.363.105.200</u>	<u>11.206.193.409</u>	<u>(116.380.901.013)</u>	<u>252.898.910.244</u>	<u>932.774.847.840</u>

(i) Thù lao Ban Kiểm soát được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 số 280/NQ-ĐHCĐTN ngày 27 tháng 6 năm 2015.

**Số cổ phiếu đang lưu hành**

	30/6/2015	31/12/2014
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
<b>Cổ phiếu được duyệt</b>	<b>70.368.754</b>	<b>70.368.754</b>
Cổ phiếu phổ thông	70.368.754	70.368.754
<b>Cổ phiếu đang lưu hành</b>	<b>70.368.754</b>	<b>70.368.754</b>
Cổ phiếu phổ thông	70.368.754	70.368.754

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành là 10.000 VND/cổ phiếu.

**Vốn điều lệ và vốn đầu tư**

Theo Giấy chứng nhận đầu tư sửa đổi, vốn đầu tư và vốn điều lệ của Công ty lần lượt là 1.171.473.560.000 VND và 703.687.540.000 VND (tương đương 67.000.000 USD và 42.309.869,89 USD) (31 tháng 12 năm 2014: 1.171.473.560.000 VND và 703.687.540.000 VND). Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

Báo cáo tài chính quy đổi này được chuyển đổi từ báo cáo tài chính đã được soát xét cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 được lập bằng Đô la Mỹ (USD) sang Đồng Việt Nam (VND) theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") hướng dẫn áp dụng chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Báo cáo này cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính được lập bằng Đô la Mỹ (USD) đã được soát xét.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUY ĐỔI (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính quy đổi kèm theo

**19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)**

**Vốn điều lệ và vốn đầu tư (Tiếp theo)**

Cổ đông	Theo Giấy chứng nhận đầu tư sửa đổi '000 VND	Vốn đã góp tại ngày					
		30/6/2015			31/12/2014		
		USD	'000 VND quy đổi	Tỷ lệ	USD	'000 VND quy đổi	Tỷ lệ
Ông Nguyễn Chính Nghĩa	47.219.530	2.875.859	47.219.530	7%	2.875.859	47.219.530	7%
Công ty TNHH Dầu tư Quốc tế Khải Tiệp	369.386.320	22.219.546	369.386.320	52%	22.219.546	369.386.320	52%
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước	93.454.360	5.629.463	93.454.360	13%	5.629.463	93.454.360	13%
Các nhà đầu tư khác	193.627.330	11.585.002	193.627.330	28%	11.585.002	193.627.330	28%
<b>Cộng</b>	<b>703.687.540</b>	<b>42.309.870</b>	<b>703.687.540</b>	<b>100%</b>	<b>42.309.870</b>	<b>703.687.540</b>	<b>100%</b>

**20. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH**

Công ty đã thực hiện phân cấp quản lý theo hạng mục kinh doanh. Cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành 4 bộ phận với hoạt động chính như sau:

- Câu lạc bộ Quốc tế Hoàng Gia: Kinh doanh trò chơi có thưởng - đây là hoạt động mang tính chất thời vụ, không ổn định. Doanh thu phát sinh phụ thuộc vào số lượng các đoàn khách đến chơi và kết quả chơi của khách
- Khu Biệt thự Hoàng Gia: Cho thuê phòng
- Khu Công viên Hoàng Gia: Kinh doanh các dịch vụ vui chơi. Ngày 27 tháng 6 năm 2015, Đại hội Cổ đông Công ty đã nhất trí thông qua việc Bàn giao Công viên Hoàng Gia cho UBND tỉnh Quảng Ninh, Công ty đã ghi giảm giá trị còn lại của tài sản khu Công viên Hoàng Gia như đã trình bày tại Thuyết minh số 08.
- Khách sạn Hoàng Gia Hạ Long: Cho thuê phòng và dịch vụ liên quan.

Các thông tin về hoạt động kinh doanh theo bộ phận của Công ty như sau:

**Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2015**

	Câu lạc bộ VND	Biệt thự VND	Công viên VND	Khách sạn Hoàng		Bù trừ VND	Tổng cộng VND
				Gia Hạ Long VND			
<b>Tài sản</b>							
Tài sản bộ phận	251.283.134.520	144.455.958.900	175.903.665.300	722.767.274.460	(432.431.053.560)	-	861.978.979.620
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-	-	385.335.331.920
<b>Tổng tài sản hợp nhất</b>							<b>1.247.314.311.540</b>
<b>Nợ phải trả</b>							
Nợ phải trả bộ phận	130.886.517.960	21.365.243.460	19.392.323.940	539.372.770.200	(432.431.053.560)	-	278.585.802.000
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	-	-	35.953.661.700
<b>Tổng nợ phải trả hợp nhất</b>							<b>314.539.463.700</b>

Báo cáo tài chính quy đổi này được chuyển đổi từ báo cáo tài chính đã được soát xét cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 được lập bằng Đô la Mỹ (USD) sang Đồng Việt Nam (VND) theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") hướng dẫn áp dụng chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Báo cáo này cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính được lập bằng Đô la Mỹ (USD) đã được soát xét.

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ HOÀNG GIA**

Phường Bãi Cháy, TP. Hạ Long  
Tỉnh Quảng Ninh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính quy đổi**  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015  
đến ngày 30 tháng 6 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUY ĐỔI (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09a-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính quy đổi kèm theo*

**20. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH (Tiếp theo)**

**Kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015**

	Câu lạc bộ		Công viên	Khách sạn Hoàng Gia Hạ Long		Bù trừ	Tổng cộng
	VND	VND		VND	VND		
Doanh thu thuần	42.914.086.950	24.730.419.707	23.721.987.856	63.991.841.382	-	155.358.335.895	
Giá vốn bộ phận	(42.261.850.778)	(9.508.692.627)	(4.293.960.209)	(44.650.392.227)	-	(100.714.895.841)	
Lợi nhuận gộp	652.236.172	15.221.727.080	19.428.027.647	19.341.449.155	-	54.643.440.054	
Chi phí không phân bổ						(42.038.052.728)	
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>						<b>12.605.387.326</b>	
Doanh thu hoạt động tài chính						5.750.939.572	
(Lỗ) khác						(1.449.519.428)	
Chi phí tài chính						(9.544.543.561)	
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>						<b>7.362.263.909</b>	
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành						-	
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại						189.503.972	
<b>Lợi nhuận trong kỳ</b>						<b>7.551.767.881</b>	

**Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014**

	Câu lạc bộ		Công viên	Khách sạn Hoàng Gia Hạ Long		Bù trừ	Tổng cộng
	VND	VND		VND	VND		
<b>Tài sản</b>							
Tài sản bộ phận	241.498.794.860	194.816.484.200	220.781.339.680	733.979.291.160	(397.140.940.240)	993.934.969.660	
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-	228.288.242.520	
<b>Tổng tài sản hợp nhất</b>						<b>1.222.223.212.180</b>	
<b>Nợ phải trả</b>							
Nợ phải trả bộ phận	105.738.959.100	20.314.827.020	19.698.698.180	537.428.482.740	(397.140.940.240)	286.040.026.800	
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	-	27.974.019.600	
<b>Tổng nợ phải trả hợp nhất</b>						<b>314.014.046.400</b>	

**Kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014**

	Câu lạc bộ		Công viên	Khách sạn Hoàng Gia Hạ Long		Bù trừ	Tổng cộng
	VND	VND		VND	VND		
Doanh thu thuần	21.493.008.867	20.854.231.857	25.862.035.434	35.295.903.033	-	103.505.179.191	
Giá vốn bộ phận	(36.286.697.796)	(9.573.901.455)	(9.005.799.906)	(34.329.686.421)	-	(89.196.085.578)	
(Lỗ)/Lợi nhuận gộp	(14.793.688.929)	11.280.330.402	16.856.235.528	966.216.612	-	14.309.093.613	
Chi phí không phân bổ						(81.079.007.820)	
<b>(Lỗ) từ hoạt động kinh doanh</b>						<b>(66.769.914.207)</b>	
Doanh thu hoạt động tài chính						3.892.524.834	
(Lỗ) khác						(2.503.593.765)	
Chi phí tài chính						(13.136.628.714)	
<b>(Lỗ) trước thuế</b>						<b>(78.517.611.852)</b>	
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành						-	
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại						(270.890.736)	
<b>(Lỗ) trong kỳ</b>						<b>(78.788.502.588)</b>	

Báo cáo tài chính quy đổi này được chuyển đổi từ báo cáo tài chính đã được soát xét cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 được lập bằng Đô la Mỹ (USD) sang Đồng Việt Nam (VND) theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") hướng dẫn áp dụng chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Báo cáo này cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính được lập bằng Đô la Mỹ (USD) đã được soát xét.

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ HOÀNG GIA**

Phường Bãi Cháy, TP. Hạ Long  
Tỉnh Quảng Ninh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính quy đổi**  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015  
đến ngày 30 tháng 6 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUY ĐỔI (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09a-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính quy đổi kèm theo*

**21. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015	Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014
	VND	VND
Chi phí thực phẩm và đồ uống	5.496.631.469	7.307.422.056
Chi phí nhân công	62.492.091.725	73.831.597.239
Chi phí khấu hao tài sản cố định	28.402.761.912	36.352.126.236
Chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí phân bổ và chi phí khác	46.361.463.463	52.783.947.867
	<b>142.752.948.569</b>	<b>170.275.093.398</b>

**22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015	Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	11.849.404	7.222.620
Lãi chênh lệch tỷ giá	4.741.945.523	3.041.402.796
Doanh thu hoạt động tài chính khác	997.144.645	843.899.418
	<b>5.750.939.572</b>	<b>3.892.524.834</b>

**23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015	Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014
	VND	VND
Chi phí lãi vay	8.971.447.569	12.859.322.592
Lỗ chênh lệch tỷ giá	573.095.992	277.306.122
	<b>9.544.543.561</b>	<b>13.136.628.714</b>

**24. CHI PHÍ KHÁC**

	Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015	Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014
	VND	VND
Giá trị còn lại của tài sản cố định đã thanh lý	71.161.293	732.607.341
Các khoản chi khác	1.902.499.655	2.926.138.278
	<b>1.973.660.948</b>	<b>3.658.745.619</b>

Báo cáo tài chính quy đổi này được chuyển đổi từ báo cáo tài chính đã được soát xét cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 được lập bằng Đô la Mỹ (USD) sang Đồng Việt Nam (VND) theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") hướng dẫn áp dụng chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Báo cáo này cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính được lập bằng Đô la Mỹ (USD) đã được soát xét.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUY ĐỔI (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính quy đổi kèm theo*

**25. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

	Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015	Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014
	VND	VND
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho kỳ hiện tại</b>		
<b>Lợi nhuận/(Lỗ) kế toán trước thuế</b>	7.362.263.909	(78.517.611.852)
<b>Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế</b>		
<b>Trừ:</b>		
- Khoản thu nhập không chịu thuế	(124.094.397)	-
<b>Cộng:</b>		
- Chi phí không hợp lý cho mục đích tính thuế	1.407.289.709	1.553.181.945
- Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	974.245.888	(928.085.427)
<b>Chuyển lỗ</b>	9.619.705.109	-
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	-	(77.892.515.334)
Thuế suất thông thường	22%	22%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	-	-
<b>Thuế thu nhập hoãn lại</b>	(189.503.972)	270.890.736

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất phổ thông được hướng dẫn tại các quy định hiện hành. Theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 22% từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 và thuế suất 20% từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 trên thu nhập chịu thuế.

**26. LÃI/(LỖ) CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015	Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014
Lợi nhuận/(Lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	7.551.767.881	(78.788.502.588)
Lợi nhuận/(Lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	7.551.767.881	(78.788.502.588)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	70.368.754	70.368.754
<b>Lãi/(Lỗ) cơ bản trên cổ phiếu (VND)</b>	<b>107</b>	<b>(1.120)</b>

**27. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**Ngoại tệ các loại:**

	30/6/2015	31/12/2014
AUD	50	-
HKD	20	21.250
JPY	-	50.000
KRW	280.000	1.465.000
TWD	5.465	185
RMP	112.786	69.039
SGD	160	-
THB	-	11.400
VND	82.797.512.131	6.221.360.922

Báo cáo tài chính quy đổi này được chuyển đổi từ báo cáo tài chính đã được soát xét cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 được lập bằng Đô la Mỹ (USD) sang Đồng Việt Nam (VND) theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") hướng dẫn áp dụng chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Báo cáo này cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính được lập bằng Đô la Mỹ (USD) đã được soát xét.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUY ĐỔI (Tiếp theo)**

**MÃU SỐ B 09a-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính quy đổi kèm theo*

**28. CÁC KHOẢN CAM KẾT**

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có các khoản cam kết như sau:

***Cam kết đầu tư***

Ngày 21 tháng 4 năm 2015, Hội đồng Quản trị đã phê duyệt tăng tổng mức đầu tư cho nhà hàng đa năng lên mức khoảng 200 tỷ VND (tương đương 9,5 triệu USD theo tỷ giá tạm tính 21.000 VND/USD). Nhà đa năng đã được đầu tư ngày 10 tháng 4 năm 2015, tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 giá trị đã đầu tư là 12.632.770.260 VND và tổng giá trị các hợp đồng xây dựng và lắp đặt, mua thiết bị cho Công ty đã ký nhưng chưa thực hiện có tổng giá trị là 61.373.165.040 VND.

Ngày 01 tháng 7 năm 2015, Công ty đã ký Hợp đồng số 1668/HĐ HTKD với Công ty Liên doanh TNHH Tập đoàn Quốc tế Salon ("Salon"), theo đó Salon sẽ thuê nhà hàng đa năng để kinh doanh trong thời hạn là 10 năm kể từ ngày bên B bắt đầu kinh doanh - chậm nhất là trước ngày 15 tháng 12 năm 2015. Tiền thuê được thanh toán trước ngày 10 hàng tháng.

***Cam kết cho thuê hoạt động***

Ngày 28 tháng 6 năm 2015, Công ty đã ký Hợp đồng số 01072015/HĐTN-HG với Salon, theo đó Salon sẽ thuê bao 190 phòng nghỉ/ngày (gồm 110 phòng nghỉ khách sạn và 80 phòng nghỉ biệt thự). Thời hạn thuê từ ngày 01 tháng 7 năm 2015 đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2016. Việc thanh toán được tính trên số phòng thực tế nhưng không thấp hơn 70% số lượng phòng thuê bao (tức là 133 phòng/ngày).

***Cam kết mua sắm xây dựng tài sản cố định***

Tính đến ngày 30 tháng 6 năm 2015, tổng giá trị các hợp đồng xây dựng và lắp đặt, mua thiết bị cho Công ty (không bao gồm giá trị hợp đồng liên quan đến nhà hàng đa năng) đã ký nhưng chưa thực hiện có tổng giá trị là 6.480.877.160 VND (31 tháng 12 năm 2014: 1.112.230.360 VND).

***Cam kết trả tiền thuê đất***

Theo Giấy phép đầu tư số 953 CPH/GP ngày 15 tháng 6 năm 2005 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Công ty có nghĩa vụ nộp tiền thuê đất, bãi cát, mặt biển cho Nhà nước Việt Nam từ tháng thứ 8 của năm thứ 27 kể từ ngày cấp Giấy phép đầu tư lần đầu vào ngày 13 tháng 8 năm 1994. Giá tiền thuê được xác định theo thời giá tại thời điểm thực hiện thuê.

**29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 17 và 18, trừ đi tiền) và phần vốn của cổ đông (bao gồm vốn góp của các cổ đông, các quỹ dự trữ trừ lỗ lũy kế).

Báo cáo tài chính quy đổi này được chuyển đổi từ báo cáo tài chính đã được soát xét cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 được lập bằng Đô la Mỹ (USD) sang Đồng Việt Nam (VND) theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") hướng dẫn áp dụng chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Báo cáo này cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính được lập bằng Đô la Mỹ (USD) đã được soát xét.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUY ĐỔI (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính quy đổi kèm theo*

**29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**Quản lý rủi ro vốn (Tiếp theo)**

*Hệ số đòn bẩy tài chính*

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	<u>30/6/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Các khoản vay	149.718.159.360	177.662.925.360
Trừ: Tiền	101.867.325.120	25.233.060.840
Nợ thuần	47.850.834.240	152.429.864.520
Vốn chủ sở hữu	<u>932.774.847.840</u>	<u>908.209.165.780</u>
<b>Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu</b>	<b>5%</b>	<b>17%</b>

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

**Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	<u>30/6/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền	101.867.325.120	25.233.060.840
Phải thu khách hàng và phải thu khác	92.169.409.860	9.487.332.240
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	9.134.771.580	8.967.007.180
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>203.171.506.560</u></b>	<b><u>43.687.400.260</u></b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Các khoản vay và nợ tài chính	149.718.159.360	177.662.925.360
Phải trả người bán và phải trả khác	105.291.250.020	91.748.678.160
Chi phí phải trả	681.735.780	519.191.920
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>255.691.145.160</u></b>	<b><u>269.930.795.440</u></b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính quy đổi Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính quy đổi và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính quy đổi Quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Báo cáo tài chính quy đổi này được chuyển đổi từ báo cáo tài chính đã được soát xét cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 được lập bằng Đô la Mỹ (USD) sang Đồng Việt Nam (VND) theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn áp dụng chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Báo cáo này cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính được lập bằng Đô la Mỹ (USD) đã được soát xét.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUY ĐỔI (Tiếp theo)**

**MÃ SỐ B 09a-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính quy đổi kèm theo*

**29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này sau khi Ban Giám đốc đánh giá chi phí để thực hiện phòng ngừa rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất hay rủi ro về giá có thể cao hơn chi phí phát sinh từ rủi ro thị trường khi có sự thay đổi về tỷ giá, lãi suất và giá của các công cụ tài chính này trong tương lai.

**Quản lý rủi ro tỷ giá**

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ như sau:

	Tài sản		Công nợ	
	30/6/2015	31/12/2014	30/6/2015	31/12/2014
	VND	VND	VND	VND
<i>Đồng Việt Nam (VND)</i>	119.154.851.640	13.348.560.240	168.663.993.300	264.033.528.660

**Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ**

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đồng Việt Nam.

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ của Công ty được xác định trong trường hợp tỷ giá đồng Đô la Mỹ thay đổi 10% so với Đồng Việt Nam. Tỷ lệ thay đổi 10% được Ban Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 10% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá Đồng Việt Nam so với đồng Đô la Mỹ giảm 10% thì lợi nhuận trước thuế trong kỳ của Công ty sẽ giảm 4.915.232.245 VND (kỳ 6 tháng đầu năm 2014: lỗ trước thuế giảm 24.344.159.355 VND).

**Quản lý rủi ro lãi suất**

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

	Tăng/(giảm) số điểm cơ bản	Ảnh hưởng đến lợi nhuận/(lỗ) trước thuế
		VND
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015		
VND	+200	(2.972.773.286)
VND	-200	2.972.773.286
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014		
VND	+200	(3.801.009.990)
VND	-200	3.801.009.990

**Quản lý rủi ro về giá**

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

Báo cáo tài chính quy đổi này được chuyển đổi từ báo cáo tài chính đã được soát xét cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 được lập bằng Đô la Mỹ (USD) sang Đồng Việt Nam (VND) theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") hướng dẫn áp dụng chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Báo cáo này cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính được lập bằng Đô la Mỹ (USD) đã được soát xét.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUY ĐỔI (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính quy đổi kèm theo*

**29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**Rủi ro thị trường (Tiếp theo)**

**Quản lý rủi ro về giá hàng hóa**

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh, xây dựng cơ bản. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có khoản rủi ro tín dụng tập trung khá lớn từ khoản phải thu khách chơi tại Câu lạc bộ Quốc tế Hoàng Gia. Rủi ro tín dụng tối đa được thể hiện là giá trị ghi sổ của số dư phải thu khách chơi tại Câu lạc bộ Quốc tế Hoàng Gia như trình bày tại Thuyết minh số 4.

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trợ giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt và tiền gửi ngân hàng, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

<b>30/6/2015</b>	<b>Dưới 1 năm</b>	<b>Trên 1 năm</b>	<b>Tổng</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền	101.867.325.120	-	101.867.325.120
Phải thu khách hàng và phải thu khác	92.169.409.860	-	92.169.409.860
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	9.134.771.580	9.134.771.580
<b>Tổng cộng</b>	<b>194.036.734.980</b>	<b>9.134.771.580</b>	<b>203.171.506.560</b>
<b>30/6/2015</b>	<b>Dưới 1 năm</b>	<b>Trên 1 năm</b>	<b>Tổng</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Phải trả người bán và phải trả khác	47.567.389.320	57.723.860.700	105.291.250.020
Chi phí phải trả	681.735.780	-	681.735.780
Các khoản vay và nợ tài chính	75.400.486.920	74.317.672.440	149.718.159.360
<b>Tổng cộng</b>	<b>123.649.612.020</b>	<b>132.041.533.140</b>	<b>255.691.145.160</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>70.387.122.960</b>	<b>(122.906.761.560)</b>	<b>(52.519.638.600)</b>

Báo cáo tài chính quy đổi này được chuyển đổi từ báo cáo tài chính đã được soát xét cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 được lập bằng Đô la Mỹ (USD) sang Đồng Việt Nam (VND) theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn áp dụng chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Báo cáo này cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính được lập bằng Đô la Mỹ (USD) đã được soát xét.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUY ĐỔI (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính quy đổi kèm theo*

**29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)*

31/12/2014	Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Tiền	25.233.060.840	-	25.233.060.840
Phải thu khách hàng và phải thu khác	9.487.332.240	-	9.487.332.240
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	8.967.007.180	8.967.007.180
<b>Tổng cộng</b>	<b>34.720.393.080</b>	<b>8.967.007.180</b>	<b>43.687.400.260</b>
31/12/2014	Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Phải trả người bán và phải trả khác	91.629.805.360	118.872.800	91.748.678.160
Chi phí phải trả	519.191.920	-	519.191.920
Các khoản vay và nợ tài chính	95.337.546.340	82.325.379.020	177.662.925.360
<b>Tổng cộng</b>	<b>187.486.543.620</b>	<b>82.444.251.820</b>	<b>269.930.795.440</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>(152.766.150.540)</b>	<b>(73.477.244.640)</b>	<b>(226.243.395.180)</b>

Ban Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

**30. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>	Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015	Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014
		VND	VND
Công ty TNHH Đầu tư Quốc tế Khải Tiệp	Công ty mẹ		
Bà Nguyễn Tiểu Mai	Ủy viên Hội đồng Quản trị		
Bán hàng cho Công ty TNHH Đầu tư Quốc tế Khải Tiệp		50.965.411	44.971.431
Bán hàng cho Bà Nguyễn Tiểu Mai		-	123.846.690

*Thu nhập của Ban Giám đốc được hưởng trong kỳ như sau:*

	Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015	Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014
	VND	VND
Thu nhập của Ban Giám đốc	822.084.837	810.845.310

*Số dư chủ yếu với các bên liên quan như sau:*

	30/6/2015	31/12/2014
	VND	VND
<b>Các khoản phải trả</b>		
Các khoản phải trả khác cho Công ty TNHH Đầu tư Quốc tế Khải Tiệp	244.262.700	304.280.160

Báo cáo tài chính quy đổi này được chuyển đổi từ báo cáo tài chính đã được soát xét cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 được lập bằng Đô la Mỹ (USD) sang Đồng Việt Nam (VND) theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") hướng dẫn áp dụng chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Báo cáo này cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính được lập bằng Đô la Mỹ (USD) đã được soát xét.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUY ĐỔI (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a-DN**

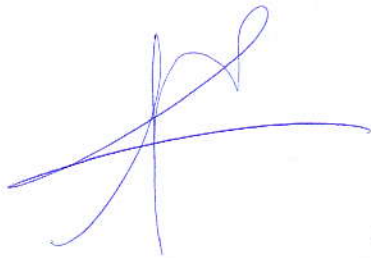
*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính quy đổi kèm theo*

**31. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Như trình bày tại Thuyết minh số 03, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh được với số liệu tương ứng của kỳ hiện tại do ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính, cụ thể như sau:

Mã số	31/12/2014	Phân loại lại	31/12/2014	
	Số đã báo cáo		Số sau phân loại lại	
	VND	VND	VND	
<b>Bảng cân đối kế toán</b>				
Phải thu ngắn hạn khác	136	175.658.080	37.094.300	212.752.380
Hàng tồn kho	140	23.487.576.260	(6.320.184.560)	17.167.391.700
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	17.154.863.020	(16.918.592.640)	236.270.380
Tài sản ngắn hạn khác	155	37.094.300	(37.094.300)	-
Chi phí trả trước dài hạn	261	9.324.523.540	16.918.592.640	26.243.116.180
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	-	6.320.184.560	6.320.184.560

Mã số	Cho kỳ hoạt động	Phân loại lại	Cho kỳ hoạt động	
	từ ngày 01/01/2014		từ ngày 01/01/2014	
	đến ngày 30/6/2014	VND	đến ngày 30/6/2014	
	Số đã báo cáo	VND	Số sau phân loại lại	
	VND	VND	VND	
<b>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</b>				
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	111.082.790.964	(7.232.136.864)	103.850.654.100
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	7.577.611.773	(7.232.136.864)	345.474.909
Thu nhập khác	31	4.051.422.474	(2.896.270.620)	1.155.151.854
Chi phí khác	32	6.555.016.239	(2.896.270.620)	3.658.745.619



**Cao Thị Huyền**  
 Người lập biểu

Ngày 12 tháng 8 năm 2015



**Nguyễn Linh Chi**  
 Kế toán trưởng



**Đỗ Trí Vỹ**  
 Tổng Giám đốc

Báo cáo tài chính quy đổi này được chuyển đổi từ báo cáo tài chính đã được soát xét cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 được lập bằng Đô la Mỹ (USD) sang Đồng Việt Nam (VND) theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn áp dụng chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Báo cáo này cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính được lập bằng Đô la Mỹ (USD) đã được soát xét.